**BIỂU GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, CÁC XÃ KINH PHÍ HỖ TRỢ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ MƯA LŨ (LẦN 2)**

*(Kèm theo Quyết định số: 2281 /QĐ-UBND ngày 28 /10/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | Tên cơ quan, đơn vị/xã | Tổng cộng | Trong đó | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Kinh phí hỗ trợ nhà cửa, sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại | Kinh phí hỗ trợ sửa chữa, khắc phục cơ sở hạ tầng |
| *A* | *B* | *1= 2+3* | *2* | *3* |
| | **TỔNG CỘNG (I+II)** | **60.000** | **40.000** | **20.000** |
| **I** | **Các cơ quan, đơn vị** | **8.300** | | **8.300** |
| 1 | Sở Y tế | 5.000 | | 5.000 |
| 2 | Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn | 3.300 | | 3.300 |
| **II** | **Các xã** | **51.700** | **40.000** | **11.700** |
| 1 | Điềm He | 420 | 420 | |
| 2 | Hoàng Văn Thụ | 180 | 180 | |
| 3 | Hội Hoan | 250 | 250 | |
| 4 | Quý Hòa | 170 | 170 | |
| 5 | Văn Lãng | 300 | 300 | |
| 6 | Chiến Thắng | 100 | 100 | |
| 7 | Yên Phúc | 1.500 | 500 | 1.000 |
| 8 | Cai Kinh | 500 | 500 | |
| 9 | Hồng Phong | 370 | 370 | |
| 10 | Thiện Tân | 2.400 | 2.000 | 400 |
| 11 | Tân Tiến | 510 | 510 | |
| 12 | Bắc Sơn | 1.000 | 1.000 | |
| 13 | Đồng Đăng | 100 | 100 | |
| 14 | Hữu Lũng | 3.600 | 1.600 | 2.000 |
| 15 | Vũ Lễ | 1.820 | 1.680 | 140 |
| 16 | Hoa Thám | 990 | 990 | |
| 17 | Yên Bình | 15.500 | 14.000 | 1.500 |
| 18 | Tuấn Sơn | 3.300 | 3.300 | |
| 19 | Nhất Hòa | 3.540 | 3.540 | |
| 20 | Thất Khê | 800 | 800 | |
| 21 | Thiện Hòa | 1.770 | 720 | 1.050 |
| 22 | Quốc Việt | 1.000 | 1.000 | |
| 23 | Tràng Định | 200 | 200 | |
| 24 | Vân Nham | 4.700 | 2.000 | 2.700 |

| STT | Tên cơ quan, đơn vị/xã | Tổng cộng | Trong đó | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Kinh phí hỗ trợ nhà cửa, sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại | Kinh phí hỗ trợ sửa chữa, khắc phục cơ sở hạ tầng |
| *A* | *B* | *1= 2+3* | *2* | *3* |
| 25 | Thiện Long | 2.030 | 630 | 1.400 |
| 26 | Tri Lễ | 500 | 500 | |
| 27 | Tân Văn | 390 | 390 | |
| 28 | Bình Gia | 400 | 400 | |
| 29 | Tân Tri | 1.090 | 940 | 150 |
| 30 | Na Dương | 300 | 300 | |
| 31 | Kháng Chiến | 500 | 500 | |
| 32 | Khuất Xá | 110 | 110 | |
| 33 | Lộc Bình | 600 | | 600 |
| 34 | Thiện Thuật | 60 | | 60 |
| 35 | Quốc Khánh | 700 | | 700 |